

**DIFFICULTIES IN PEDAGOGICAL
ACTIVITIES OF MIDDLE SCHOOL
TEACHERS IN THE NORTHERN
MIDLANDS AND MOUNTAINS REGION**

Ha Thanh Hue

*Department of Politics and Educational
Psychology, Hung Vuong University,
Phu Tho province, Vietnam*

Corresponding author Ha Thanh Hue,
e-mail: hathanhhue16@gmail.com

Received November 13, 2023.

Revised December 15, 2023.

Accepted January 12, 2024.

**KHÓ KHĂN TRONG HOẠT ĐỘNG
SƯ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC
CƠ SỞ CÁC TỈNH TRUNG DU
VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

Hà Thanh Huệ

*Khoa Chính trị và Tâm lý Giáo dục,
Trường Đại học Hùng Vương,
Phú Thọ, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Hà Thanh Huệ, e-mail:
hathanhhue16@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/11/2023.

Ngày sửa bài: 15/12/2023.

Ngày nhận đăng: 12/1/2024.

Abstract. The study aims to provide an understanding of the difficulties and difficulties in the pedagogical activities of middle school teachers by presenting the results of a survey of difficulties in the pedagogical activities of middle school teachers (secondary school) of the Northern Midlands and Mountainous provinces. The research used the main method of questionnaire survey from 409 subjects combined with several other methods (interviews, conversations, observations) to survey 15 manifestations of difficulties divided into four groups: Difficulties in implementing component activities of pedagogical activities; Difficulties coming from teachers themselves meeting the requirements of pedagogical activities; Difficulties related to the conditions for carrying out pedagogical activities; Difficulty in implementing the requirements of management levels and the demands of society. The results show that teachers have the most difficulties related to group 3, difficulties related to the conditions for performing pedagogical activities (average score 4.01), teachers with the least difficulties belong to group 2, the difficulty comes from teachers themselves meeting the requirements of pedagogical activities (average score 3.37). From those results, the study analyzes, evaluates, and explains the causes of the obtained results to help readers gain insight into the research problem.

Keywords: difficulties, pedagogical activities, middle school teachers, Northern Midlands and Mountains region.

Tóm tắt. Nghiên cứu nhằm đưa ra cách hiểu về khó khăn và khó khăn trong hoạt động sư phạm của giáo viên Trung học cơ sở (GV THCS), trình bày kết quả khảo sát những khó khăn trong hoạt động sư phạm của giáo viên trung học cơ sở (THCS) các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng phiếu hỏi từ 409 khách thể kết hợp với một số phương pháp khác (phỏng vấn, đàm thoại, quan sát) để khảo sát 15 biểu hiện khó khăn chia theo bốn nhóm khó khăn: Khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần của hoạt động sư phạm; Khó khăn xuất phát từ phía bản thân GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm; Khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm; Khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của các cấp quản lý và những đòi hỏi của xã hội. Kết quả cho thấy GV gặp khó khăn nhất liên quan đến nhóm 3: khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm (điểm trung bình 4,01), GV ít gặp khó khăn nhất thuộc về nhóm 2: Khó khăn xuất phát từ phía bản thân GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm (điểm trung bình 3,37). Từ kết quả đó, nghiên cứu tiến hành phân tích, đánh giá, giải thích nguyên nhân của các kết quả thu được giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc về vấn đề nghiên cứu.

Từ khóa: khó khăn, hoạt động sư phạm, giáo viên Trung học cơ sở, Trung du và miền núi phía Bắc.

1. Mở đầu

Với sự phát triển vượt bậc của khoa học - công nghệ, những đòi hỏi từ thực tiễn phát triển kinh tế- xã hội cộng với quá trình đổi mới giáo dục đã đặt ra nhiều yêu cầu cao cho hoạt động sư phạm. Bởi vậy, người GV nói chung, GV THCS nói riêng đã và đang gặp một số khó khăn, đòi hỏi họ phải vượt qua để tồn tại và thành công.

Khái niệm khó khăn có thể được tìm thấy trong các nghiên cứu của nhà Tâm lý học người Mỹ Stoltz, P.G (1997) khi nghiên cứu về năng lực vượt khó. Trong đó, tác giả quan niệm khó khăn hay còn được gọi với cụm từ “nghịch cảnh”. Nghịch cảnh (adversity), được định nghĩa là: “bất cứ khó khăn hay trở ngại nào mà cá nhân gặp phải. Nghịch cảnh có thể xuất hiện ở các lĩnh vực khác nhau của đời sống con người: xã hội, lao động và cá nhân” [1]. Trong một nghiên cứu khác, Stoltz, P.G cho rằng, khi gặp nghịch cảnh con người cần phải vượt qua để thành công: “Chúng ta sinh ra với động lực cốt lõi của con người là tiến lên” [2]. Ông sử dụng từ tiến lên theo nghĩa: “kiên định với mục đích của cuộc đời, trong hành trình tiến lên để đạt được những mục đích của cuộc đời được ví như hành trình của những người leo núi. Trên hành trình tiến lên đó, con người sẽ gặp vô vàn khó khăn, nghịch cảnh, đòi hỏi ở con người phải có khả năng vượt khó (vượt qua khó khăn, nghịch cảnh). Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Huân và cộng sự đã trích dẫn quan điểm của hai tác giả Fletcher và Sarkar “Các tác giả Fletcher và Sarkar (2013) đã lập luận, nghịch cảnh là “những hoàn cảnh trong cuộc sống, được xem là có tương quan ý nghĩa với những khó khăn trong việc thích nghi và điều chỉnh”. Đồng thời, Nguyễn Hồng Huân và cộng sự cũng nhấn mạnh: “Nghịch cảnh mà một cá nhân gặp phải tùy thuộc vào cách nhìn nhận của cá nhân đối với các vấn đề đó không chỉ đơn thuần là những khó khăn, tai nạn hay những sang chấn” [3]. Tian & Fan (2014) cũng cho rằng mỗi cá nhân sẽ phải đối mặt với nhiều thử thách trong cuộc sống cũng như trong công việc [4]. Trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Thoa (2023) có đưa ra cách hiểu về khó khăn như sau: “Khó khăn là những tình huống có vấn đề, gay go, cản trở, sự khắc nghiệt hay thiếu thốn... tạo thành những trở ngại trong đời sống cá nhân hàng ngày. Những khó khăn này khiến cá nhân khó có thể hoàn thành hoạt động một cách có hiệu quả [5]. Nguyễn Thị Xuân Hương (2022) đã quan niệm về khó khăn như sau: “Thuật ngữ khó khăn được nghiên cứu nhiều trong tâm lý học với một số tên gọi như: khó khăn tâm lý, rào cản tâm lý, trở ngại tâm lý, hàng rào tâm lý. Dù với cách gọi khác nhau và được quan tâm nghiên cứu ở những khía cạnh khác nhau nhưng nhìn chung đều thống nhất quan điểm: khó khăn là những yếu tố tâm lý gây cản trở hoạt động và làm cho hoạt động kém hiệu quả. Như vậy, khó khăn tâm lý là những yếu tố gây trở ngại cho chủ thể trong quá trình hoạt động, làm cho hoạt động kém hiệu quả” [6].

Trong hoạt động sư phạm, nghiên cứu về khó khăn được thực hiện bởi một số tác giả như: Huỳnh Văn Sơn (2013) nghiên cứu một số khó khăn của giảng viên trẻ trong công tác nghiên cứu khoa học [7]; Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Quang Hào (2015) nghiên cứu về khó khăn tâm lý của giáo viên tiểu học trong việc đánh giá học sinh [8]; tác giả Phạm Kim Anh, (2018) cũng chỉ ra một số áp lực nghề nghiệp đối với GV phổ thông [9]. Tác giả Lê Minh Nguyệt và cộng sự (2023) với nghiên cứu: Khó khăn trong hoạt động chuyên môn và năng lực vượt khó của GV THCS trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam hiện nay [10]. Phạm Thị Hồng Thắm (2023) với nghiên cứu Thực trạng áp lực nghề nghiệp của GV THCS trong giai đoạn thực thi chương trình giáo dục phổ thông 2018, đã cho rằng: “Trên thực tế, hằng ngày GV đang phải đối mặt với rất nhiều áp lực” Tác giả cũng cho rằng “cần có những điều chỉnh để giúp GV giảm tải bớt áp lực, tạo động lực làm việc cho GV” [11]. Từ những hiện tượng nảy sinh trong thực tiễn hoạt động sư phạm đã cho thấy có những khó khăn mà GV nói chung, GV THCS nói riêng đang gặp phải. Với mong muốn tìm hiểu những khó khăn của GV, Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn đã có buổi gặp gỡ GV cả nước thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến vào ngày 15 tháng 8 năm 2023 “đề lắng nghe, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục hiện nay; giúp định hướng chính sách phù hợp để phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành GD-ĐT và thực hiện

thành công đổi mới GD-ĐT”[12]. Trong buổi gặp gỡ đó, Bộ Giáo dục – đào tạo đã trực tiếp lắng nghe được rất nhiều khó khăn của GV nói chung, GV THCS nói riêng gặp phải trong hoạt động sư phạm.

Như vậy, đã có nhiều nghiên cứu khẳng định hoạt động sư phạm là một hoạt động có nhiều khó khăn. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay, các nghiên cứu cũng chưa đưa ra cụ thể khái niệm khó khăn trong hoạt động đó là gì. Các nghiên cứu tập trung làm nổi bật những dạng khó khăn mà hoạt động này gặp phải. Trong khuôn khổ nghiên cứu này tôi quan niệm khó khăn trong hoạt động sư phạm của GV THCS là những trở ngại, những tình huống có vấn đề hoặc những hoàn cảnh chứa đựng các yêu cầu cao so với kinh nghiệm thực tiễn của GV gây ra từ hoàn cảnh khách quan cũng như từ phía chủ quan của GV trong quá trình thực hiện hoạt động sư phạm, đòi hỏi GV phải vượt qua để tồn tại và phát triển trong hoạt động đó. Khó khăn trong hoạt động sư phạm được nhìn nhận trên hai góc độ: thứ nhất, khó khăn là yếu tố gây trở ngại cho hoạt động sư phạm. Ở cách hiểu này có thể thấy, khó khăn xuất hiện luôn gây trở ngại cho GV, làm cho hoạt động của GV kém hiệu quả. *Thứ hai*, khó khăn là những tình huống có vấn đề mà việc giải quyết nó có thể tạo cho GV động lực để vươn lên. Khó khăn là yếu tố mang tính linh hoạt và mức độ của khó khăn tùy thuộc vào hoàn cảnh, quan điểm, cách nhìn nhận của mỗi GV khác nhau là khác nhau.

Trong hoạt động sư phạm có nhiều khó khăn, tôi quy khó khăn về 4 nhóm để thuận tiện trong việc nghiên cứu khảo sát. Đó là: Khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần của hoạt động sư phạm; Khó khăn xuất phát từ phía bản thân GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm; Khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm; Khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của các cấp quản lý và những đòi hỏi của xã hội. Tôi quan niệm khó khăn trong hoạt động sư phạm có 5 mức độ: Mức 1: Không gặp khó khăn, mức 2: gặp rất ít khó khăn, mức 3: khó khăn ở mức vừa, mức 4: tương đối khó khăn, mức 5: rất khó khăn. Khó khăn tồn tại như một tất yếu đòi hỏi GV phải vượt qua để tồn tại, để phát triển và gặt hái những thành công.

Bài báo này với điểm mới là đưa ra khái niệm khó khăn trong hoạt động sư phạm của GV THCS, thực hiện khảo sát những khó khăn trong hoạt động sư phạm theo 4 nhóm khó khăn trên diện rộng (các tỉnh thuộc khu vực Trung du và miền núi phía Bắc) với quy mô lớn (409 khách thể) nhằm đánh giá thực trạng mức độ khó khăn, xác định được những nguyên nhân gây ra khó khăn để từ đó đề xuất được 5 giải pháp phù hợp, giúp GV tại đây vượt qua khó khăn để thực hiện tốt hoạt động sư phạm. Đó là điều kiện góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực trung du và miền núi phía bắc, nơi được coi là còn gặp nhiều khó khăn nhất của cả nước trong hầu hết các lĩnh vực.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu này với mục đích khảo sát sự tự đánh giá của GV THCS ở các tỉnh khu vực trung du và miền núi phía bắc về những mức độ khó khăn mà họ gặp phải trong hoạt động sư phạm. Những khó khăn được chúng tôi nghiên cứu với 4 nhóm khó khăn trong hoạt động sư phạm như sau: Khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần của hoạt động sư phạm; Khó khăn xuất phát từ phía bản thân GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm; Khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm; Khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của các cấp quản lý và những đòi hỏi xã hội. Từ kết quả khảo sát thực trạng, nghiên cứu phân tích nguyên nhân của những khó khăn nhằm đề xuất một số giải pháp giúp GV vượt qua khó khăn để thành công trong nghề, tạo cơ sở thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của khu vực.

2.2. Mẫu khách thể khảo sát

Khách thể khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên trên 409 GV THCS thuộc 4 tỉnh: Điện Biên (106 GV = 25.9%), Hà Giang (69 GV =16.9%), Phú Thọ (132 GV =32.3%), Lạng Sơn (102 GV

= 24.9%). Số lượng khách thể nghiên cứu theo giới tính là: nam (161 GV = 39.4%), nữ (248 = 60.6%). Trong 409 khách thể được chia theo 4 nhóm tuổi là: dưới 30 tuổi = 7.1%, từ 30 tuổi – 45 tuổi = 68.5%, trên 45 tuổi = 24.4%. Khách thể điều tra được phân chia theo trình độ đào tạo bao gồm: Cao đẳng = 14.7%, đại học = 84.4%, sau đại học = 4%. Khách thể điều tra được phân chia theo thành tích số năm đạt danh hiệu GV giỏi: không đạt danh hiệu = 19.1%, dưới 5 năm = 33.7%, Từ 5-10 năm = 27.1%, trên 10 năm = 20%. Khách thể phân chia theo số năm làm công tác quản lí: dưới 5 năm = 70.4%, từ 1 đến 5 năm = 11.2%, trên 5 năm = 18.3%.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp (PP) chính được sử dụng trong nghiên cứu này là PP điều tra bằng phiếu hỏi nhằm khảo sát kết quả định lượng trong nghiên cứu. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng kết hợp một số PP nghiên cứu định tính như: PP quan sát, PP phỏng vấn, PP đàm thoại trong quá trình thực hiện.

2.4. Công cụ nghiên cứu

Công cụ chính được sử dụng trong nghiên cứu này là phiếu hỏi. Nội dung của phiếu hỏi được cấu trúc theo 4 nhóm khó khăn với 15 items. Việc xây dựng công cụ này có tham khảo ý kiến chuyên gia và tham khảo một số nghiên cứu [9], [10], [11]. Toàn bộ các items trong 4 nhóm khó khăn đều được xác định theo thang Likert 5 mức độ: mức 1 - hoàn toàn không khó khăn (tương ứng với 1 điểm), mức 2 - rất ít khó khăn (tương ứng với 2 điểm), mức 3 - có khó khăn ở mức vừa (tương ứng với 3 điểm), mức 4 - tương đối khó khăn (tương ứng với 4 điểm), mức 5 - rất khó khăn (tương ứng với 5 điểm). Trước khi tiến hành khảo sát chính thức, tôi có khảo sát thử trên 60 GV THCS tỉnh Phú Thọ, tiến hành kiểm định độ tin cậy thang đo bằng phần mềm SPSS 20.0 nhằm kiểm định độ tin cậy thang đo (nếu độ tin cậy theo Cronbach's Alpha là 0.6 trở lên là chấp nhận được). Sau khi kiểm định độ tin cậy thang đo đạt yêu cầu, tôi tiến hành khảo sát chính thức trên diện rộng 4 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc (Hà Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Lạng Sơn). Kết quả khảo sát chính thức được tôi tiếp tục xử lí qua phần SPSS 20.0. Dưới đây là bảng kết quả kiểm định thang đo.

Bảng 1. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Stt	Nội dung	Hệ số Cronbach's Alpha
Nhóm 1: Những khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần của hoạt động sư phạm		0.883
1	Khó khăn trong việc truyền thụ kiến thức cho học sinh theo yêu cầu của chương trình đào tạo	0.858
2	Khó khăn trong việc sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại	0.860
3	Khó khăn trong việc hiểu đặc điểm tâm – sinh lí học sinh THCS và việc thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh	0.863
4	Khó khăn trong việc hỗ trợ, tư vấn tâm lí, đánh giá sự tiến bộ của học sinh trung học cơ sở trong học tập và tu dưỡng	0.857
5	Khó khăn trong việc tổ chức hình thức dạy học online	0.886
6	Khó khăn trong việc phối hợp với cha mẹ học sinh và đồng nghiệp trong dạy học và giáo dục học sinh	0.856
7	Khó khăn trong việc cân đối thời gian phù hợp cho các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và hoạt động chuyên môn khác	0.876
Nhóm 2: Những khó khăn xuất phát từ phía bản thân giáo viên đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm		0.765

1	Khó khăn trong hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm	0.809
2	Khó khăn trong việc duy trì thái độ trách nhiệm, lạc quan và tích cực về hoạt động sư phạm	0.735
3	Khó khăn trong việc đảm bảo sức khỏe thể chất, tâm lí cho hoạt động sư phạm	0.687
Nhóm 3: Những khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm		0.694
1	Khó khăn do lương, thu nhập, sự đả ngộ tài chính và sự tôn vinh của xã hội đối với hoạt động sư phạm	0.635
2	Khó khăn nảy sinh do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sư phạm	0.625
Nhóm 4: Những khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của các cấp quản lí và những đòi hỏi của xã hội		0.761
1	Khó khăn do việc phải thực hiện nhiều chỉ tiêu do cấp trên yêu cầu đối với giáo viên	0.761
2	Khó khăn do việc thực hiện các công việc hành chính của trường	0.680
3	Khó khăn do việc đáp ứng với đòi hỏi từ xã hội đối với nghề	0.689

Bảng 2 thể hiện kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo cho thấy hệ số Cronbach's Alpha thu được sau xử lí đều lớn hơn 0,6 (từ 0.625 đến 0.886). Như vậy có thể kết luận thang đo mà chúng tôi thiết kế là phù hợp để đo lường.

2.5. Kết quả nghiên cứu

2.5.1. Đánh giá khái quát các nhóm khó khăn trong hoạt động sư phạm của giáo viên

Bảng 2. Đánh giá khái quát theo điểm trung bình các nhóm khó khăn trong hoạt động sư phạm của giáo viên

Stt	Nhóm các khó khăn	ĐTB	ĐLC	Trung vị	Nhỏ nhất	Lớn nhất
1	Khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần của hoạt động sư phạm.	3.78	0.79	3.71	1.14	5.00
2	Khó khăn xuất phát từ phía bản thân GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm.	3.37	0.89	3.33	1.00	5.00
3	Khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm.	4.01	0.92	4.00	1.00	5.00
4	Khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của các cấp quản lí và những đòi hỏi của xã hội.	3.70	0.83	3.67	1.00	5.00
Chung		3.71	0.74	3.64	1.24	4.74

Có 4 nhóm khó khăn trong hoạt động sư phạm được đưa ra khảo sát. Xét về điểm trung bình chung của 4 nhóm khó khăn đạt 3.71/5 điểm. Đây là mức điểm trên trung bình. Trong đó, nhóm khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm là có điểm trung bình cao nhất (4.01 điểm), tiếp đến là nhóm khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần của hoạt động sư phạm (3.78 điểm), kế tiếp là nhóm khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của cấp quản lí và những đòi hỏi của xã hội (3.70 điểm), thấp nhất là nhóm khó khăn xuất phát từ phía bản thân GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm (3.37 điểm).

Giải thích nguyên nhân tại sao nhóm khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm lại có điểm trung bình cao nhất, chúng tôi có tìm hiểu tài liệu và cho thấy: các tỉnh Trung Du và miền núi phía Bắc là các tỉnh còn “gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội; tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch kinh tế chưa vững chắc, tỉ lệ đói nghèo theo chuẩn Quốc gia còn cao, cơ sở hạ tầng, kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, xã hội còn thấp. Còn tiềm ẩn một số vấn đề như khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng sâu, vùng xa với vùng thành thị” [13].

Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn một số GV đang trực tiếp giảng dạy tại tỉnh Hà Giang để tìm hiểu thêm về kết quả khảo sát này. Với câu hỏi: “Hiện tại, trong các điều kiện phục vụ hoạt động sư phạm, thầy/cô đánh giá đâu là khó khăn lớn nhất đối với thầy/cô”? - Thầy M.V.T trả lời: “Ở đây, khó khăn nhất là điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy còn rất thiếu thốn: thiếu lớp học, thiếu nước sinh hoạt, mạng Internet chậm chạp chưa đồng bộ. Hơn nữa, điều kiện đường xá, đi lại: lầy, thụt, ổ gà, ổ voi khiến cho việc đến trường của thầy trò rất vất vả nhất là những hôm trời mưa. Hoàn cảnh gia đình học sinh cũng rất khó khăn, HS đa phần là con em của các dân tộc khác nhau cùng sinh sống nên có sự đa dạng về văn hóa, đa dạng phong tục tập quán dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động sư phạm, khó khăn trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của học sinh, khó khăn trong giao tiếp do bất đồng về ngôn ngữ. Chúng tôi tiếp tục phỏng vấn thầy N.H.T là GV làm công tác quản lý, tại tỉnh Điện Biên, thầy cho rằng hoạt động sư phạm của GV THCS gặp nhiều khó khăn, ngoài khó khăn về cơ sở vật chất, thì khó khăn về vấn đề đổi mới giáo dục, khó khăn do trình độ dân trí của phụ huynh còn hạn chế, quan niệm lệch lạc về học tập và những giá trị của giáo dục, vấn đề giao tiếp và ứng xử với học sinh THCS... là những cản trở rất lớn đối với GV. Với câu hỏi “những khó khăn này thầy đánh giá nó có dễ dàng được khắc phục hay không? Những khó khăn đó có gây ảnh hưởng gì đến chất lượng giáo dục hay không?”, thầy T cho rằng: “Đây là những khó khăn không dễ gì khắc phục, nó liên quan đến vấn đề nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư cho giáo dục, nó liên quan đến quan điểm, nếp sống, tập quán sinh sống, văn hóa, sự lựa chọn giá trị, trình độ dân trí của người dân... là những câu chuyện dài mà không chỉ bản thân GV hay sự nỗ lực của GV có thể giải quyết được. Nó đòi hỏi sự vào cuộc của Đảng, Nhà nước, của ngành giáo dục và toàn xã hội. Những khó khăn nêu không được giải quyết thì rất khó để cải thiện chất lượng giáo dục. Khó có cơ hội để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong khu vực”. Để tiếp tục tìm hiểu sâu hơn vấn đề này, chúng tôi trực tiếp quan sát thực tế giáo dục ở một số huyện của 4 tỉnh mà nghiên cứu khảo sát và nhận thấy, tại nhiều huyện của tỉnh Hà Giang, Điện Biên, Lạng Sơn và một số huyện của tỉnh Phú Thọ còn gặp nhiều khó khăn về đường xá đi lại, khó khăn về mạng internet, khó khăn do lớp học chưa đạt tiêu chuẩn, khó khăn do thiếu sự hợp tác của gia đình học sinh, khó khăn do dư luận xã hội thiếu tôn trọng và coi trọng nhà giáo... đúng như chia sẻ của GV. Đây là những cản trở cho GV trong việc thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động sư phạm. Trong quá trình quan sát tôi cũng nhận thấy, ở trong mỗi tỉnh, trong mỗi huyện thì khu vực thành phố, thị trấn, thị xã điều kiện phục vụ giáo dục có tốt hơn, điều kiện dân trí cao, tốc độ phát triển kinh tế xã hội tốt hơn GV có gặp những khó khăn khác so với những khu vực nêu trên như: khó khăn do áp lực thành tích, khó khăn do yêu cầu và đòi hỏi của phụ huynh và học sinh với chất lượng giáo dục, khó khăn trong giao tiếp ứng xử với học sinh và phụ huynh học sinh...

Khi được đàm thoại, trao đổi về vấn đề tiền lương thì rất nhiều GV chia sẻ và đánh giá lương chưa đáp ứng được nhu cầu cuộc sống. Các thầy cô cho rằng do giá cả sinh hoạt tăng cao, rất nhiều khoản phải chi tiêu, nhận lương xong thầy, cô phải tính toán, cân đối chi li để làm sao có thể đủ tiêu trong cả tháng. Nhiều GV phải buôn bán, phải làm thêm để trang trải cuộc sống. Tuy nhiên không phải thầy cô nào cũng tìm kiếm được công việc làm thêm cho mình.

Với nhóm khó khăn thứ nhất: Khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần của hoạt động sư phạm (có điểm trung bình 3.78), đứng thứ hai trong 4 nhóm khảo sát. Có thể thấy, hoạt động sư phạm với một số hoạt động thành phần như: hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục, hoạt động tư vấn – hỗ trợ học sinh, hoạt động phối hợp với cha mẹ và gia đình học sinh,

hoạt động tổ chức hình thức dạy học online... các hoạt động đều đòi hỏi sự chuyên nghiệp, sự khéo léo, sự cẩn trọng tỉ mỉ của GV bởi vậy cũng gây nên những khó khăn cho họ. Hơn nữa, đối tượng học sinh trung học cơ sở, là đối tượng đang bước vào giai đoạn tuổi “dậy thì” luôn có xu hướng cường điệu hóa những tác động của người lớn, chống đối người lớn, dễ nổi cáu với người lớn. Việc phối hợp giữa GV với phụ huynh cũng không dễ dàng do phụ huynh luôn bận rộn, có tư tưởng phó mặc cho nhà trường. Khi con em của họ có thành tích học tập, rèn luyện không như mong muốn sẽ gây sức ép cho GV và nhà trường... Nhiều tác động trái chiều từ ngoài xã hội vào trong nhà trường, gây ra nhiều khó khăn cho GV trong việc truyền đạt và hình thành ở học sinh những giá trị, những chuẩn mực đạo đức tốt.

Nhóm khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của cấp quản lí và những đòi hỏi của xã hội có điểm trung bình 3.70 điểm đứng thứ 3 trên 4 nhóm khảo sát. Có thể thấy, tuy đứng thứ 3, nhưng kết quả khảo sát này cũng cách nhóm 2 một khoảng không xa lắm (0,08 điểm). GV gặp khó khăn do việc phải thực hiện nhiều chỉ tiêu do cấp trên yêu cầu đối với giáo viên; Khó khăn do việc thực hiện các công việc hành chính của trường; Khó khăn do việc đáp ứng với đòi hỏi từ xã hội đối với nghề. Tôi đã tiến hành đàm thoại với các GV ở một trường THCS tỉnh Phú Thọ, GV cho rằng họ cũng gặp áp lực với các chỉ tiêu được giao. Để hoàn thành các chỉ tiêu, bản thân phải nỗ lực rất nhiều mới có kết quả, đặc biệt các chỉ tiêu trong cuộc thi học sinh giỏi, trò đi thi mà GV dạy còn lo lắng hỏi hớp hơn trò rất nhiều. Muốn hoàn thành các chỉ tiêu, GV phải dành hầu hết thời gian cho công việc, nhiều khi không có thời gian làm những việc khác.

Nhóm khó khăn thứ 2: Nhóm khó khăn xuất phát từ phía bản thân GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm đứng ở vị trí thấp nhất trong 4 nhóm khảo sát với điểm trung bình 3.37 điểm. Ở nhóm khó khăn này, tôi đã kết hợp khảo sát với quan sát, đàm thoại tôi nhận thấy, về phía bản thân GV, các thầy cô tuy có gặp khó khăn nhưng vẫn nhiều thầy cô giữ được sự lạc quan, luôn yêu nghề, luôn duy trì thái độ trách nhiệm và sự tích cực trong hoạt động sư phạm. Tuy nhiên, các thầy cô cho rằng họ bị gặp khó khăn trong các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn đặc biệt GV gặp khó khăn khi chương trình giáo dục phổ thông có sự thay đổi.

Như vậy, qua nghiên cứu cho thấy, GV THCS các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có gặp một số khó khăn ở mức độ rất lớn, đó là những khó khăn mà GV không dễ dàng vượt qua trong một thời gian ngắn. Đây là những khó khăn phần đa là do yếu tố khách quan với nhiều tác nhân gây nên. Những khó khăn đó đòi hỏi phải có những giải pháp hữu hiệu mới giúp GV vượt qua được.

Bảng 3. Kết quả đánh giá khái quát tỉ lệ các nhóm khó khăn trong hoạt động sư phạm của giáo viên theo 5 mức độ

Stt	Nhóm các khó khăn	Tỉ lệ % mức độ khó khăn				
		1	2	3	4	5
1	Khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần của hoạt động sư phạm.	5.07	8.07	25.64	33.47	27.75
2	Khó khăn xuất phát từ phía bản thân GV đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm.	2.92	5.99	38.43	33.1	19.56
3	Khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm.	3.50	6.72	29.05	28.32	32.41
4	Khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của cấp quản lí và những đòi hỏi xã hội.	3.19	8.03	35.02	30.26	23.5

(Mức 1: Không gặp khó khăn, mức 2: gặp rất ít khó khăn, mức 3: khó khăn ở mức vừa, mức 4: tương đối khó khăn, mức 5: rất khó khăn)

Khảo sát trên 4 nhóm khó khăn thì đều cho thấy kết quả như sau: Với hai mức độ 1- không gặp khó khăn và mức độ 2 - gặp rất ít khó khăn chiếm tỉ lệ thấp (dưới 9%). GV chủ yếu gặp khó khăn ở 3 mức: 3 (mức vừa), mức 4 (mức tương đối khó khăn) và mức 5 (mức rất khó khăn). Nhóm

khó khăn thứ 3 (Khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm), % GV đánh giá mức rất khó khăn (mức 5) chiếm tỉ lệ cao nhất trong 4 nhóm khó khăn được khảo sát.

Ở nhóm 1, khó khăn ở mức 4 chiếm tỉ lệ cao nhất; Ở nhóm 2, GV khó khăn ở mức 3 chiếm tỉ lệ cao nhất; Ở nhóm 3, GV khó khăn ở mức 5 chiếm tỉ lệ cao nhất; Ở nhóm 4, GV khó khăn ở mức 3 chiếm tỉ lệ cao nhất.

Như vậy có thể thấy, trong 5 mức độ khó khăn đưa ra khảo sát, GV gặp khó khăn chủ yếu ở mức 3, 4, 5, mức 3 là cao nhất.

2.5.2. Đánh giá chi tiết các nhóm khó khăn trong hoạt động sư phạm của giáo viên

Bảng 4. Kết quả đánh giá chi tiết các nhóm khó khăn trong hoạt động sư phạm của giáo viên

STT	Nhóm khó khăn	ĐTB	ĐLC
Nhóm 1	Thứ nhất: Những khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động thành phần		
1.1	Khó khăn trong việc truyền thụ kiến thức cho HS theo yêu cầu của chương trình đào tạo	3.78	1.06
1.2	Khó khăn trong việc sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại	3.71	0.98
1.3	Khó khăn trong việc hiểu đặc điểm tâm – sinh lí học sinh THCS và việc thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh	3.75	0.97
1.4	Khó khăn trong việc hỗ trợ, tư vấn tâm lí, đánh giá sự tiến bộ của học sinh trung học cơ sở trong học tập và tu dưỡng	3.68	1.01
1.5	Khó khăn trong việc tổ chức hình thức dạy học online	4.23	1.08
1.6	Khó khăn trong việc phối hợp với cha mẹ học sinh và đồng nghiệp trong dạy học và giáo dục học sinh	3.76	1.08
1.7	Khó khăn trong việc cân đối thời gian phù hợp cho các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và hoạt động chuyên môn khác	3.52	1.04
Nhóm 2	Những khó khăn xuất phát từ phía bản thân giáo viên đáp ứng yêu cầu của hoạt động sư phạm		
2.1	Khó khăn trong hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm	3.49	1.08
2.2	Khó khăn trong việc duy trì thái độ trách nhiệm, lạc quan và tích cực về hoạt động sư phạm	3.27	1.08
2.3	Khó khăn trong việc đảm bảo sức khỏe thể chất, tâm lí cho hoạt động sư phạm	3.32	1.09
Nhóm 3	Những khó khăn liên quan đến các điều kiện thực hiện hoạt động sư phạm		
3.1	Khó khăn do lương, thu nhập, sự đãi ngộ tài chính và sự tôn vinh của xã hội đối với hoạt động sư phạm	4.01	1.15
3.2	Khó khăn do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sư phạm	4.03	1.01
Nhóm 4	Những khó khăn trong việc thực hiện những yêu cầu của các cấp quản lí và những đòi hỏi của xã hội		
4.1	Khó khăn do việc phải thực hiện nhiều chỉ tiêu do cấp trên yêu cầu đối với giáo viên	3.99	0.99
4.2	Khó khăn do việc thực hiện các công việc hành chính của trường	3.43	1.08
4.3	Khó khăn do việc đáp ứng với đòi hỏi từ xã hội đối với nghề	3.67	1.00

Trong Bảng 4, là bảng kết quả khảo sát chi tiết đánh giá mức độ khó khăn trên từng item của các nhóm khảo sát. Ở nhóm khó khăn 1: Khó khăn có điểm trung bình cao nhất là khó khăn trong việc tổ chức hình thức dạy học online. Đây là một hình thức tổ chức dạy học mới xuất hiện ở nước ta khi đại dịch COVID – 19 bùng phát. Đó là một yêu cầu cấp thiết thể hiện sự phản ứng nhanh, kịp thời của toàn ngành. Vì đây là hình thức tổ chức dạy học mới nên ngay tức thì sẽ gây ra những khó khăn cho cả GV và HS. Điều kiện để thực hiện tốt hình thức dạy học này đòi hỏi sự đồng bộ về cơ sở vật chất của GV, của nhà trường, của học sinh. Hình thức dạy học này bên cạnh những mặt tích cực thì cũng có nhiều mặt trái, nhiều trở ngại. Đây không chỉ là khó khăn đối với GV THCS các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc mà đó còn là khó khăn của GV nhiều nơi. Khó khăn trong việc cân đối thời gian phù hợp cho các hoạt động giáo dục và hoạt động chuyên môn khác có điểm trung bình thấp (3.52 – tương đương với khó khăn ở mức vừa). Còn lại các khó khăn có điểm trung bình tương đương nhau và đều trên 3 điểm.

Theo sự quan sát của chúng tôi, ở tỉnh Hà Giang và Điện Biên, GV gặp khó khăn rất lớn trong việc phối hợp với cha mẹ học sinh và đồng nghiệp trong dạy học và giáo dục học sinh (mặc dù kết quả điểm trung bình khảo sát thu được là 3.76 điểm). Xuất phát từ thực tế: cha mẹ đi làm ăn xa, gia đình hộ nghèo chiếm tỉ lệ lớn nên việc quan tâm, chăm sóc và đầu tư học hành là không tốt như ở khu vực dưới xuôi, khó khăn trong việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường với phụ huynh. Thậm chí, có hiện tượng HS nghỉ học giữa chừng để lấy chồng, lấy vợ hoặc đi làm ăn kiếm sống khiến... các chỉ tiêu mà chúng tôi phụ trách rất khó hoàn thành. Chúng tôi có đàm thoại với GV để tìm hiểu hoạt động hỗ trợ, tư vấn tâm lí cho học sinh. Bằng khả năng chuyên môn, nghiệp vụ của mình tôi đánh giá GV THCS các tỉnh Trung du và miền núi phía bắc đang gặp khó khăn trong hoạt động này. Đây là một hoạt động đòi hỏi phải được đào tạo được tập huấn, được thực hành và có kinh nghiệm sống mới thực hiện được.

Ở nhóm khó khăn thứ 2, khó khăn trong hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm có điểm trung bình cao nhất trong nhóm. Nghiên cứu đã tìm nguyên nhân để giải thích cho kết quả này. Chúng tôi thấy, về mặt lí thuyết cũng như thực tiễn, hoạt động sư phạm là hoạt động trí óc chuyên biệt với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của sự phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, hoạt động này đòi hỏi phải luôn đổi mới, luôn sáng tạo chứ không thụ động, không dập khuôn. Yêu cầu đặt ra là GV phải thường xuyên được tập huấn mới đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. GV đánh giá đây là một khó khăn chiếm tỉ lệ cao nhất trong nhóm tuy nhiên về điểm trung bình chỉ 3.49 điểm tương đương với mức trung bình trên 5 mức khảo sát.

Ở nhóm khó khăn thứ 3, đây là nhóm thể hiện GV gặp khó khăn cao nhất trong 4 nhóm khảo sát với các item đều có điểm trung bình lớn hơn 4 và tương đương nhau, nghĩa là GV gặp khó khăn ở mức tương đối khó khăn.

Ở nhóm khó khăn thứ 4, khó khăn do phải thực hiện nhiều chỉ tiêu do cấp trên yêu cầu có điểm trung bình cao nhất (3.99 điểm). Các khó khăn còn lại đều có điểm trung bình dưới 4. Khó khăn do việc thực hiện các công việc hành chính của trường có số điểm trung bình thấp nhất. Qua phỏng vấn GV cho rằng ngoài việc giảng dạy thì mỗi thầy cô phải thường xuyên thực hiện đan xen các công việc hành chính của trường. Những công việc đó cũng gây mất thời gian nhưng nó không hẳn là những việc quá khó mà GV không làm được.

Như vậy, qua khảo sát có thể thấy, với 15 khó khăn mà tôi đưa ra khảo sát, có 1 số khó khăn GV gặp phải ở mức độ 4, 5 (Khó khăn trong việc tổ chức hình thức dạy học online; Khó khăn do lương, thu nhập, sự đả ngộ tài chính và sự tôn vinh của xã hội đối với hoạt động sư phạm; Khó khăn do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sư phạm, Khó khăn trong việc hiểu đặc điểm tâm – sinh lí học sinh THCS và việc thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh; Khó khăn trong việc phối hợp với cha mẹ học sinh và đồng nghiệp trong dạy học và giáo dục học sinh; khó khăn trong hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm;

khó khăn trong hoạt động tư vấn và hỗ trợ tâm lí cho học sinh) còn lại GV gặp khó khăn ở mức trên trung bình.

2.5.3. Những khó khăn của các nhóm giáo viên xét theo các đặc điểm nhân khẩu học

Bảng 5. Kiểm định sự khác biệt điểm trung bình chung về khó khăn theo các đặc điểm nhân khẩu học (N = 409)

TT	Yếu Tố		N	Mean	SD	Difference				
						Mean	SE	95%CI	P	
1	Giới tính	Nam	161	3.81	0.77	0.157	0.074	0.011	0.303	0.035
		Nữ	248	3.65	0.71					
2	Tuổi	Dưới 30 tuổi	29	3.90	0.91	Sig của Lavene Statistic = 0.179 > 0.05 ⇒ Không có sự khác biệt				
		Từ 30 – 45 tuổi	280	3.73	0.73					
		Trên 45 tuổi	100	3.69	0.69					
3	Thâm niên	Dưới 5 năm	28	3.83	0.73	-	-	-	-	-
		Từ 5 đến 15 năm	130	3.73	0.83	0.107	0.153	-0.299	0.513	0.999
		Từ 16 đến 25 năm	200	3.74	0.68	0.105	0.148	-0.288	0.498	0.999
		Trên 25 năm	51	3.56	0.69	0.275	0.173	-0.184	0.733	0.676
4	Trình độ	Cao đẳng	60	3.93	0.67	Sig của Lavene Statistic = 0.827 > 0.05 ⇒ Không có sự khác biệt				
		Đại học	345	3.68	0.74					
		Thạc sĩ	4	3.51	0.79					
5	Số năm GV giỏi	Chưa từng	78	3.96	0.70	-	-	-	-	-
		Dưới 5 năm	138	3.74	0.81	0.214	0.103	-0.059	0.486	0.229
		5 - 10 năm	111	3.61	0.73	0.347	0.107	0.063	0.631	0.008
		> 10 năm	82	3.58	0.59	0.380	0.115	0.077	0.685	0.006
6	Số năm quản lí	Chưa từng	396	2.51	0.74	-	-	-	-	-
		1-5 năm	165	2.44	0.69	-0.017	0.115	-0.295	0.261	0.999
		> 5 năm	124	2.30	0.70	0.305	0.094	0.078	0.532	0.004
7	Địa bàn	Điện Biên	106	2.78	0.62	-	-	-	-	-
		Hà Giang	69	3.07	0.66	0.29	0.110	0.006	0.576	0.043
		Phú Thọ	132	2.54	0.85	-0.24	0.093	-0.48	0.001	0.051
		Lạng Sơn	102	2.63	0.64	-0.15	0.099	-0.404	0.107	0.441

Bảng 5 thể hiện nhóm mẫu GV được khảo sát theo 7 đặc điểm nhân khẩu học đó là: đặc điểm giới tính, tuổi, trình độ được đào tạo, thâm niên công tác, năm đạt thành tích GV giỏi, thời gian tham gia quản lí và địa bàn. Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt về điểm trung bình khó khăn giữa GV nam và GV nữ trong đó điểm trung bình khó khăn của GV nam cao hơn điểm trung bình của GV nữ; GV có tuổi đời dưới 30 có điểm trung bình khó khăn cao nhất trong nhóm tuổi; GV có thâm niên dưới 5 năm có điểm trung bình khó khăn cao nhất trong nhóm thâm niên; GV có trình độ cao đẳng có điểm trung bình khó khăn cao nhất trong nhóm trình độ; GV chưa từng đạt danh hiệu GV giỏi có điểm trung bình cao nhất; GV chưa từng làm công tác quản lí có điểm trung bình cao nhất trong nhóm số năm quản lí; GV trên địa bàn tỉnh Hà Giang có điểm trung bình khó khăn cao nhất so với các nhóm GV theo địa bàn nghiên cứu.

Khi kiểm định sự khác biệt về điểm trung bình chung về khó khăn theo các đặc điểm nhân khẩu học cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở hầu hết các biến được so sánh ngoại

trừ 4 nhóm GV: nhóm GV đạt danh hiệu GV giỏi từ 5-10 năm, nhóm GV đạt danh hiệu GV giỏi trên 10 năm, nhóm GV làm công tác quản lý dưới 5 năm; GV trên địa bàn tỉnh Hà Giang có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong cùng nhóm so sánh.

3. Kết luận

Hoạt động sư phạm với mục tiêu và sứ mệnh cao cả là đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bởi vậy nó là hoạt động tiềm ẩn những khó khăn. Khó khăn trong hoạt động sư phạm của GV THCS được hiểu là những trở ngại, những tình huống có vấn đề hoặc những hoàn cảnh chứa đựng các yêu cầu cao so với kinh nghiệm thực tiễn của GV gây ra từ hoàn cảnh khách quan cũng như từ phía chủ quan của GV trong quá trình thực hiện hoạt động sư phạm, đòi hỏi GV phải vượt qua để tồn tại và phát triển trong hoạt động đó. Hoạt động này đòi hỏi phải cẩn trọng, tỉ mỉ và rất tâm huyết từ chính GV và trong cách đối xử và ứng xử của xã hội. Qua khảo sát cho thấy, trong hoạt động sư phạm, GV gặp một số khó khăn ở mức cao: Khó khăn trong việc tổ chức hình thức dạy học online; Khó khăn do lương, thu nhập, sự đãi ngộ tài chính và sự tôn vinh của xã hội đối với hoạt động sư phạm; Khó khăn do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sư phạm, Khó khăn trong việc hiểu đặc điểm tâm – sinh lí học sinh THCS và việc thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh; Khó khăn trong việc phối hợp với cha mẹ học sinh và đồng nghiệp trong dạy học và giáo dục học sinh; khó khăn trong hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm; khó khăn trong hoạt động tư vấn và hỗ trợ tâm lí cho học sinh. Nghiên cứu cũng cho thấy: GV nam, GV có thâm niên dưới 5 năm, GV có trình độ cao đẳng, GV chưa từng đạt danh hiệu GV giỏi, GV chưa từng làm công tác quản lý, GV trên địa bàn tỉnh Hà Giang có điểm trung bình khó khăn cao so với các nhóm GV khác trong cùng cấp độ so sánh. Khi kiểm định sự khác biệt về điểm trung bình chung về khó khăn theo các đặc điểm nhân khẩu học cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở hầu hết các biến được so sánh ngoại trừ 4 nhóm GV: nhóm GV đạt danh hiệu GV giỏi từ 5-10 năm, nhóm GV đạt danh hiệu GV giỏi trên 10 năm, nhóm GV làm công tác quản lý dưới 5 năm và nhóm GV trên địa bàn tỉnh Hà Giang là có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong cùng nhóm so sánh. Kết quả nghiên cứu này là một căn cứ có thể chưa thể hiện được một cách chính xác những khó khăn mà GV THCS ở khu vực này gặp phải. Để có thể đánh giá thật chính xác thực trạng khó khăn của GV THCS thì cần được tổ chức nghiên cứu tiếp, với việc khảo sát thêm những khó khăn khác nữa trong hoạt động sư phạm, với số lượng khách thể mở rộng hơn nữa, kết hợp quan sát ở các thời điểm khác nhau, phỏng vấn thêm nhiều GV, cán bộ quản lý, người dân và học sinh để xác định thêm các nguyên nhân của thực trạng, đề xuất những giải pháp phù hợp và khả thi, giúp GV THCS các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc vượt qua những khó khăn, giúp giáo dục nơi đây tiến nhanh, rút ngắn khoảng cách với khu vực đồng bằng và thành phố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Stoltz PG, (1997). *Adversity Quotient: Turning Obstacles into Opportunities*. New York: John Wiley and Sons, Inc.
- [2] Stoltz PG, (2015). *AQ - chỉ số vượt khó. Biến khó khăn thành cơ hội*. NXB Lao Động Xã hội, tr.619.
- [3] Huan NH và cộng sự, (2022). Lí luận về khả năng phục hồi trong học tập. *Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (Tập 19, số 8), 1216.
- [4] Tian Y & Fan X, (2014). Adversity quotients, environmental variables and career adaptability in student nurses. *J Vocat. Behav*, 85 (3), 251- 257.
- [5] Thoa NT, (2023). Khó khăn của nhóm phụ nữ bị mất người bạn đời trong đại dịch Covid 19 tại thành phố Hồ Chí Minh. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tâm lí học, giáo dục học trong bối cảnh biến đổi xã hội*, P.1, 160.

- [6] Huong NTX, (2022). Kỹ năng ứng phó với khó khăn tâm lý trong hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ của giáo viên mầm non: nghiên cứu trường hợp tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình – *Tạp chí Giáo dục* (22), 32.
- [7] Son HV, (2013). Một số khó khăn của giảng viên trẻ trong công tác nghiên cứu khoa học hiện nay. *Tạp chí Tâm lý học*, (10), 29-40.
- [8] Nguyet LM & Hao NQ, (2015). Khó khăn tâm lý của giáo viên tiểu học Đăk Lak trong việc đánh giá học sinh theo nhận xét. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*. (120), 40-42.
- [9] Anh PK, (2018). Những áp lực nghề nghiệp đối với giáo viên phổ thông trong bối cảnh hiện nay. Kỉ yếu Hội thảo khoa học “*Áp lực lao động nghề nghiệp đối với giáo viên phổ thông hiện nay, Thực trạng - Nguyên nhân - Giải pháp*”, Hà Nội, Viện Nghiên cứu Hợp tác phát triển giáo dục, 17-23.
- [10] Nguyet LM, Duyet DX, Linh VTK, Thien NTH, (2023). Khó khăn trong hoạt động chuyên môn và năng lực vượt khó của giáo viên THCS trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế - Tâm lý học, Giáo dục học trong bối cảnh biến đổi xã hội*. NXB Dân trí, P1, 628 -638.
- [11] Tham PTH (2023). “Thực trạng áp lực nghề nghiệp của GV THCS trong giai đoạn thực thi chương trình giáo dục phổ thông 2018”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (tập 19), số 6.
- [12] Theo báo *Người lao động* đăng tải ngày 15 tháng 8 năm 2023.
- [13] Hoa HTK (2015). *Giáo dục đạo đức công vụ cho học viên trường chính trị cấp Tỉnh khu vực miền núi phía Bắc*. Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục – Đại học Thái Nguyên – Thái Nguyên.